TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04 /2019/KDTM-ST
Ngày: 27/8/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Khắc Hiếu
2. Bà Đào Thị Ngâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Lê Trúc Uyên - Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2018/TLST - KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NV; địa chỉ: đường L, quận B, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo ủy quyền:* - Bà Dương Tú H - Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng NV - Chi nhánh tỉnh Phú Yên; - Bà Trần Ngọc D - Cán bộ pháp chế Ngân hàng NV - Chi nhánh tỉnh Phú Yên. (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019 của Giám đốc Ngân hàng NV - Chi nhánh tỉnh Phú Yên).

Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1980, Chủ Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Thương mại M; địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn N, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 01/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là Ngân hàng NV do người đại diện hợp pháp trình bày được tóm tắt như sau:*

DNTN thương mại M do bà Lê Thị Mỹ L làm chủ doanh nghiệp có ký kết hợp đồng tín dụng số 11/10/HĐTD - ĐM ngày 16/11/2010 với Ngân hàng NV. Ông Nguyễn Văn T - chồng của bà Lê Thị Mỹ L có ký xác nhận việc vay vốn của DNTN M tại Ngân hàng. Theo đó DNTN thương mại M có vay của Ngân hàng số tiền là 950.000.000đ, mục đích để mua 02 xe tải kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa, thời hạn vay là 48 tháng (kể từ ngày 16/11/2011), lãi suất vay là 16%/năm. Để đảm bảo khoản vay trên DNTN thương mại M đã thế chấp tài sản là xe ôtô tải mũi trắng nhãn hiệu Samsung, số máy RF8S02745, số khung 1MAZSC000447, biển số 78K-6298 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/10/HĐTC-ĐM ngày 15/11/2010.

Trong quá trình vay thì DNTN thương mại M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 27/8/2019 thì phát sinh dư nợ gốc lãi tổng cộng 371.732.718đ, trong đó: gốc 185.072.091đ, lãi trong hạn 124.440.418đ, lãi quá hạn 62.220. 209đ.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN thương mại M và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán dứt điểm số tiền trên, đồng thời phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Trường hợp DNTN thương mại M không thanh toán được nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN Thương mại M trình bày được tóm tắt như sau:*

Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày nêu trên của Ngân hàng là tính đến ngày 27/8/2019 thì bà - Chủ DNTN M còn nợ Ngân hàng dư nợ gốc lãi tổng cộng 371.732.718đ, trong đó: gốc 185.072.091đ, lãi trong hạn 124.440.418đ, lãi quá hạn 62.220.209đ. Thời điểm ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp thì ông Nguyễn Văn T - chồng bà đều ký xác nhận với tư cách là người đồng sở hữu. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T lấy chiếc xe ô tô thế chấp cho Ngân hàng bỏ đi từ năm 2015 đến nay không liên lạc về với gia đình. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà - Chủ DNTN M và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả dư nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì bà đồng ý tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn bà xin được trả nợ gốc còn tiền lãi không trả; đồng thời bà đề nghị Tòa án triệu tập ông T đem xe về để phát mãi tài sản thế chấp trả nợ cho Ngân hàng.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Đại diện VKSND thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các bên, tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, đề nghị HĐXX áp dụng các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN thương mại M và ông Nguyễn Văn T trả nợ cho Ngân hàng NV - chi nhánh Phú Yên số tiền 371.732.718đ, trong đó: gốc 185.072.091đ, lãi trong hạn 124.440.418đ, lãi quá hạn 62.220. 209đ; nếu không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ. Về án phí: buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật và hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa pháp nhân với cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết thuộc thẩm quyền.

[3] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp địa chỉ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên tại "Thôn Ngọc Phước 1, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên". Tuy nhiên, từ tháng 6/2017, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn; bị đơn hiện cư trú tại địa phương còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết, là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa căn cứ các điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành thụ lý giải quyết và niêm yết theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn: Căn cứ Điều 185 Luật doanh nghiệp năm 2015 quy định "*Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp*" nên HĐXX xác định lại bị đơn trong vụ án này là bà Lê Thị Mỹ L, Chủ DNTN Thương mại M. Quá trình thụ lý và hòa giải, Tòa án xác định bị đơn là DNTN Thương mại M và đưa bà Lê Thị Mỹ L vào tham gia tố tụng với tư cách là Chủ doanh nghiệp đã đảm bảo quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

[5] **Về yêu cầu của đương sự:**

[6] Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 11/10/HĐTD-ĐM ngày 16/11/2010 được ký kết giữa Ngân hàng NV với bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN thương mại M và ông Nguyễn Văn T (chồng bà L) có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

[7] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 11/10/HĐTD-ĐM ngày 16/11/2010 cùng các tài liệu, chứng cứ khác, đủ cơ sở xác định: bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN thương mại M có vay của Ngân hàng NV số tiền là 950.000.000đ, mục đích để kinh doanh, thời hạn vay 48 tháng (kể từ ngày giải ngân 16/11/2011), lãi suất vay là 16%/năm. Ông Nguyễn Văn T (chồng bà L) có ký xác nhận việc vay vốn của DNTN Thương mại M tại Ngân hàng. Tài sản bảo đảm là xe ôtô tải nhãn hiệu Samsung, số máy RF8S02745, số khung 1MAZSC000447, biển số 78K-6298 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/10/HĐTC-ĐM ngày 15/11/2010 được ký kết giữa Ngân hàng NV với bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN thương mại M và ông Nguyễn Văn T.

Trong quá trình vay thì DNTN thương mại M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 27/8/2019 thì phát sinh dư nợ gốc lãi tổng cộng 371.732.718đ, trong đó gốc 185.072.091đ, lãi trong hạn 124.440.418đ, lãi quá hạn 62.220.209đ. Tại Điều 183 Luật Doanh nghiệp năm 2015 quy định "*Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp"* nên khoản nợ của DNTN Thương mại M là khoản nợ của bà L. Tuy nhiên khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông T nên theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng bà L - Chủ DNTN Thương mại M. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là bà Lê Thị Mỹ L, chủ DNTN thương mại M và ông Nguyễn Văn T phải trả cho nguyên đơn nợ gốc, lãi tính đến ngày đến ngày 27/8/2019 là 371.732.718đ.

[8] Kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc, bà Lê Thị Mỹ L, chủ DNTN Thương mại M và ông Nguyễn Văn T còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 11/10/HĐTD-ĐM ngày

16/11/2010 được ký kết giữa Ngân hàng NV với bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN thương mại M và ông Nguyễn Văn T.

[9] Trường hợp bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN Thương mại M và ông Nguyễn Văn T không trả nợ thì Ngân hàng NV có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ôtô tải nhãn hiệu Samsung, số máy RF8S02745, số khung 1MAZSC000447, biển số 78K-6298 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/10/HĐTC-ĐM ngày 15/11/2010 để thu hồi nợ.

[10] **Về chi phí tố tụng:** Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị tài sản còn phải thi hành tương ứng số tiền: 371.732.718đ x 5% ≈ 18.586.000đ. .

[11] Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Các điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; các điều 342, 351, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN Thương mại M và ông Nguyễn Văn T phải trả nợ vay cho Ngân hàng NV số tiền 371.732.718 *(ba trăm bảy mươi mốt triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm mười tám đồng)*, trong đó gốc 185.072.091đ *(một trăm tám mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm chín mươi mốt đồng)*, lãi trong hạn 124.440.418đ *(một trăm hai mươi bốn triệu,bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm mười tám đồng)*, lãi quá hạn 62.220.209đ *(sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi nghìn, hai trăm linh chín đồng)*.

Kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi trả xong nợ gốc, bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN Thương mại M và ông Nguyễn Văn T còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 11/10/HĐTD-ĐM ngày 16/11/2010 được ký kết giữa Ngân hàng NV và bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN Thương mại M và ông Nguyễn Văn T.

Trường hợp bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN Thương mại M và ông Nguyễn Văn T không trả nợ thì Ngân hàng NV có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ôtô tải nhãn hiệu Samsung, số máy RF8S02745, số khung

1MAZSC000447, biển số 78K-6298 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/10/HĐTC-ĐM ngày 15/11/2010 để thu hồi nợ.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L - Chủ DNTN Thương mại M và ông Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 18.586.000đ *(mười tám triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng)* án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng NV số tiền 8.135.000đ *(tám triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010134 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Thu